

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 28 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thao Văn Dính.

2. Bà Lục Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Văn L, sinh năm 1991; Tại: ST, QS, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn N và bà Phạm Thị N1; Vợ: Vi Thị Q, Con: 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 03/8/2018 bị Công an huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt về vi phạm hành chính về hành vi không giao nộp vũ khí tự chế, bị cáo chưa nộp tiền phạt; Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/5/2018 đến ngày 29/5/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu Long – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Vi Thị Q, sinh năm 1995; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Ngân Văn T, sinh năm 1992; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Ông Ngân Văn A, sinh năm 1967; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Anh Hà Văn L, sinh năm 1994; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Anh Lữ Văn N, sinh năm 1993; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Anh Vi Văn T2, sinh năm 1978; trú tại: Bản Mìn, xã Mường Mìn, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1989; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Bản XuA Thành, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa, Vắng mặt.

- Anh Vi Đình Nhu, sinh năm 1991; trú tại: Bản Hiết, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Hà Văn L, sinh năm 1986; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Anh Phạm Bá H3, sinh năm 1997; trú tại: Bản Mìn, xã Mường Mìn, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Lương Quốc Đ, sinh năm 1991; trú tại: Bản Xuân Thành, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Ngân Văn T3, sinh năm 1984; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Anh Ngân Văn P, sinh năm 1995; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Vi Văn N1, sinh năm 1989; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Lữ Xuân B, sinh năm 1980; trú tại: Bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh T1 Văn C, sinh năm 1984; trú tại: Bản Mùa Xuân, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh T1 Văn C, sinh năm 1983; trú tại: Bản Mùa XuA, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 15 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2018. Tổ Công tác của Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Na Mèo đang làm nhiệm vụ tại khu vực bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa thì nhận được tin báo của người dân là có đối tượng Hà Văn L ở bản TS, xã ST, huyện QS có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại nhà. Tổ công tác đã triển khai lực lượng đến nhà ở của Hà Văn L để tiến hành kiểm tra, xác minh vụ việc. Khi Tổ công tác yêu cầu kiểm tra hành chính đối tượng Hà Văn L; tại thời điểm đó L đang nằm ngủ thấy có người đến nhà yêu cầu kiểm tra đã dùng một con dao nhọn kiểu dao bầu để đe dọa tổ công tác, sau khi được Tổ công tác giới thiệu là lực lượng của Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Na Mèo đang thực hiện nhiệm vụ thì L đã bỏ dao xuống để Tổ công tác kiểm tra. Khi Tổ công tác đang tiến hành kiểm tra thì Hà Văn L đã lấy từ trong túi quần ra một gói nilon màu trắng, bên trong đựng các cục nhỏ màu xám bỏ vào miệng nhai và định nuốt gói nhỏ nghi ma túy. Thấy có biểu hiện nghi vấn Tổ công tác đã yêu cầu Hà Văn L lấy

gói nilon đó ra khỏi miệng và hỏi Hà Văn L đó là cái gì, thì Hà Văn L khai nhận đó là chất Heroine mà L mới mua về để sử dụng và bán lẻ cho các người nghiện ma túy khác để kiếm lời. Ngay tại chỗ Tổ công tác của Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Na Mèo lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành niêm phong gói nilon đựng các cục màu xám trên. Tiến hành khám xét khẩn cấp, thu giữ: 01 Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên NgA Văn T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lữ XuA B; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên NgA Văn A; 01(Một) điện thoại di động NOKIA 1110i màu đen trắng, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Master màu xanh, 01(Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh xám đều đã qua sử dụng; 01 (Một) hộp bơm kim tiêm bên trong chứa các bơm kim tiêm; 01 (Một) con dao nhọn kiểu dao bầu; tiền mặt: 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và 01 (Một) khẩu súng kíp tự chế (loại súng dùng để săn).

Tại Cơ quan điều tra, Hà Văn L đã khai nhận thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình như sau: Hà Văn L là người nghiện ma túy từ lâu năm, nên đã tìm mua ma túy để sử dụng và bán lẻ lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời. L khai mua ma túy tại vườn Đào ở bản Mùa Xuân, xã ST của một người đàn ông tự xưng là C mà L không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. L đã mua của người tên C tổng cộng 04 lần thời gian từ khoảng tháng 01 năm 2018, lần thứ tư vào buổi chiều ngày 22 tháng 5 năm 2018 Hà Văn L mua số ma túy là 2,8 (Hai phẩy tám) chỉ (theo cách định lượng của người mua bán ma túy với nhau) với giá là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Số ma túy mà L đã mua của người đàn ông tên C trong lần thứ nhất, thứ hai và ba thì L đã sử dụng và bán hết cho các con nghiện khác nên không có căn cứ để xác định trọng lượng; Trong lần thứ 04, sau khi mua ma túy của người đàn ông tên C vào buổi chiều ngày 22 tháng 5 năm 2018; Hà Văn L đã mang về nhà, bỏ trong túi quần, buổi tối ngày 22 tháng 5 năm 2018 L trích ra một ít để sử dụng và bán cho Lữ Văn N 01 tép (Một tép – theo cách gọi của những người nghiện với nhau) Heroine với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và bán cho Phạm Văn H, ở xã ST, huyện QS 01 (Một) gói với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), phần còn lại L cất vào túi quần và đi ngủ. Đến sáng ngày 23 tháng 5 năm 2018 thì bị tổ C tác Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Na Mèo bắt quả tang khi đang tàng trữ ma túy.

Sau khi mua ma túy của người đàn ông tên C, trong thời gian từ cuối năm 2017 đến ngày 23/5/2018 Hà Văn L đã bán ma túy cho các đối tượng gồm:

Bán cho Hà Văn L sinh năm 1994, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa tổng cộng 05 (Năm) lần vào khoảng tháng 01, tháng 02, tháng 3, tháng 4 và ngày 22 tháng 5 năm 2018, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để L sử dụng, tổng 05 (Năm) lần thu được 500.000 (Năm trăm nghìn đồng).

Bán cho Lữ Văn N sinh năm 1993, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa tổng cộng 04 (Bốn) lần vào tháng 01, tháng 02, tháng 3 năm 2018 và ngày 22 tháng 5 năm 2018; mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để N sử dụng, tổng 04 (Bốn) lần thu được 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) và do không

có tiền, trong một lần N đã cầm cố lại cho Hà Văn L 01 đăng ký xe máy mang tên Lữ Xuân B.

Bán cho Hà Văn L sinh năm 1994, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa tổng cộng 04 (Bốn) lần vào khoảng tháng 12 năm 2017, tháng 02, tháng 4 và ngày 22 tháng 5 năm 2018, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để L sử dụng, tổng 04 (Bốn) lần thu được 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) và lần thứ 4 do không có tiền trả đã nhận cầm cố 01 Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn L.

Bán cho Lữ Xuân B sinh năm 1980, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để B sử dụng.

Bán cho Vi Văn N1 sinh năm 1989, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 02 (Hai) lần vào khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2018, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để N1 sử dụng, thu được 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

Bán cho Vi Đình N4 sinh năm 1991, ở bản Hiết, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 (Một) lần vào khoảng tháng 3 năm 2018 để N4 sử dụng, thu được 100.000 (Một trăm nghìn đồng).

Bán cho Vi Văn T2 sinh năm 1978, ở bản M, xã MM, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 02 (Hai) lần vào khoảng đầu tháng 4 và giữa tháng 4 năm 2018, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để T2 sử dụng, thu được 100.000 (Một trăm nghìn đồng) và nhận cầm cố 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Masstel của T2 với giá 1000.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Bán cho Phạm Văn H sinh năm 1994, ở bản X T, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa tổng cộng 06 (Sáu) lần, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) thu được 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng).

Bán cho Ngân Văn P sinh năm 1995, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa tổng 02 (Hai) lần vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm, mỗi lần bán 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để P sử dụng, thu được 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

Bán cho Phạm Bá H3 sinh năm 1997, ở bản M, xã MM, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 tép vào tháng 3 năm 2018, thu được 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Bán cho Ngân Văn T sinh năm 1992, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 tép thu được 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để T sử dụng, do không có tiền mặt nên T cầm cố 01 Đăng ký xe mang tên Ngân Văn T.

Bán cho Lương Quốc Đ sinh năm 1991, ở bản X T, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 tép thu được 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để Đ sử dụng.

Bán cho Trịnh Văn T1, sinh năm 1989, ở bản TS, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa 01 tép với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào khoảng đầu tháng 4 năm 2018, nhưng do T1 không có tiền mặt nên cầm cố lại 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1110i với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 1048/MT-PC54 ngày 25/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các cục nhỏ màu xám trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 6,942g (*Sáu phẩy chín bốn hai gam*) loại: Heroine.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSQS ngày 04/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Hà Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c, i khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: điểm b, c, i khoản 2 điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Hà Văn L từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy là Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định, Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), Trả lại 02 điện thoại cho anh T2 và anh T1; tịch thu 01 điện thoại của bị cáo dùng liên lạc bán ma túy, tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn và 01 hộp bơm kim tiêm; buộc bị cáo phải nộp số tiền 1.900.000đ sung công quỹ.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của VKSND truy tố bị cáo Hà Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c, i khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự thú được quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội đề nghị HĐXX xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo mức án vừa đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo mức án khởi điểm ở khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là phù hợp. Đề nghị HĐXX xem xét, không phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo, miễn phần án phí HSST cho bị cáo vì bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị Q (là vợ bị cáo) khai: Bị cáo L buôn bán ma túy chị không biết chiếc xe mô tô hiệu Jupiter màu mận chín, không biển soát theo bị cáo Hà Văn L khai thường dùng đi lại mua ma túy là xe của chị Q mua của người không quen biết có từ trước khi lấy bị cáo, vợ chồng thường dùng để đi lại và kéo Nứa, hiện chị Q đã bán cho một người mua phế liệu không quen biết với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Excter không biển kiểm soát là xe của gia đình không liên quan

đến việc đi mua bán ma túy, do kinh tế khó khăn chị đã bán cho một người Mông bên Lào lấy tiền chi tiêu trong gia đình.

Các giấy tờ thu giữ tại nhà Hà Văn L là giấy phép lái xe và giấy đăng ký xe của các đối tượng nghiện dùng để cầm ký và một số giấy tờ bị cáo nhật được quá trình điều tra Công an huyện QS đã trả lại 01 Giấy phép lái cho Hà Văn L, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô cho Ngân Văn T, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô cho Lữ Văn N và trả 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy cho ông Ngân Văn A. Ông A, anh T, anh L, anh N không có thắc mắc khiếu nại gì về việc thu giữ và nhận các giấy tờ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6 giờ 15 phút ngày 23 tháng 5 năm 2018, Hà Văn L đã có hành vi tàng trữ 6,942g (*Sáu phẩy chín bốn hai gam*) Heroine nhằm mục đích để sử dụng và bán để kiếm lời. Trong khoảng thời gian cuối năm 2017 đến ngày 23 tháng 5 năm 2018 bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng Hà Văn L, Lữ Văn N, Hà Văn L, Lữ Xuân B, Vi Văn N1, Vi Đình Nhu, Vi Văn T2, Phạm Văn H, Ngân Văn P, Phạm Bá H, NgA Văn T, Lương Quốc Đ, Trịnh Văn T1. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có hành vi tàng trữ 6,942g (*Sáu phẩy chín bốn hai gam*) Heroine để bán kiếm lời và đã nhiều lần bán ma túy cho các nhiều đối tượng nghiện; vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*” và “*Heroine.... Có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi của bị cáo: Bị cáo phạm vào tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã

hội. Tệ nạn ma túy làm ảnh hưởng lớn đến các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước, việc đấu tranh với tội phạm ma túy hiện nay là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Nhà nước đang có nhiều chủ trương, chính sách để bài trừ tệ nạn này. Bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật, bị cáo đã có hành vi bán ma túy cho người khác với mục đích kiếm lời và nhằm phục vụ cho bản thân bị cáo có ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay làm gia tăng tệ nạn ma túy trên địa bàn dân cư; đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của nhiều loại tội phạm khác. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận nghiện ma túy đã 05 -06 năm chưa cai nghiện được, lần phạm tội này bị cáo phạm tội có 03 tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự khai ra hành vi nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện trước ngày bị bắt quả tang là đã tự thú, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội được Hội đồng xét xử coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được T vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo không có công ăn việc làm, là đối tượng nghiện ma túy, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với hành vi tàng trữ vũ khí (khẩu súng kíp tự chế thuộc loại tương tự súng săn) của Hà Văn L, bị cáo L chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về các hành vi chế T2 tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể T1 và công cụ hỗ trợ, nên công an huyện Quan Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí tự chế là phù hợp.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ chất ma túy còn lại là mẫu vật sau giám định là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Số tiền bị cáo khai nhận bán ma túy cho các đối tượng nghiện xác định được là 2.600.000đ là tiền do phạm tội mà có, đã tịch thu 700.000đ (Bảy trăm

ngàn đồng) nên truy thu bị cáo số tiền 1.900.000đ(Một triệu chín trăm ngàn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

02 Điện thoại di động của Trịnh Văn T1 và Vi Văn T2 dùng để cầm ký lấy ma túy để sử dụng và 01 điện thoại di động của bị cáo dùng liên lạc khi mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ.

01 con dao nhọn, kiểu giao bầu bị cáo và chị Q không có nhu cầu lấy lại và 01 phong bì bên ngoài ghi “Điện thoại Hà Văn L”, 01 hộp bơm kim tiêm có các bơm kim tiêm đã sử dụng và chưa sử dụng nên tiêu hủy là phù hợp.

Các giấy tờ thu giữ tại nhà Hà Văn L là giấy phép lái xe và giấy đăng ký xe của các đối tượng nghiện dùng để cầm ký và một số giấy tờ bị cáo nhật được quá trình điều tra công an huyện Quan Sơn đã trả lại 01 Giấy phép lái cho Hà Văn L, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô cho NgA Văn T, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô cho Lữ Văn N và trả 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy cho ông Ngân Văn A là phù hợp.

[8]. Chiếc xe mô tô hiệu Jupiter màu mận chín, không biển soát theo bị cáo Hà Văn L khai thường dùng đi lại mua ma túy là xe của chị Q mua của người không quen biết có từ trước khi lấy bị cáo, bị cáo lấy xe đi mua ma túy chị Q không biết, hiện chị Q đã bán chiếc xe này cho người không quen biết với giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Excter không biển kiểm soát là xe của gia đình không liên quan đến việc đi mua bán ma túy, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

[9]. Về nguồn gốc số ma túy bị cáo khai mua của một người đàn ông tên C khoảng 35 tuổi, ở bản MX, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định được 02 người cùng tên là T1 Văn C, sinh năm 1983 và Thao Văn C, sinh năm 1984 cùng ở bản MX, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa, 02 người này không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng chưa làm hết các biện pháp thu thập chứng cứ như tiến hành nhận dạng, đối chất nhằm làm rõ có hay không việc bị cáo L mua ma túy với Thao Văn C ở bản MX, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Ngày 06/11/2018 Tòa án đã có Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án nhưng vẫn không khắc phục bổ sung được việc nhận dạng, đối chất giữa bị cáo và người có tên C mà bị cáo khai là bán ma túy cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo xác định người bán ma túy cho bị cáo không phải là anh Thao Văn C sinh năm 1983 hiện là Xã đội phó xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Mặt khác anh Thao Văn C, sinh năm 1984 hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú nên việc trả hồ sơ điều tra bổ sung là không cần thiết, theo quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra, tiếp tục xem xét, điều tra làm rõ có hay không anh Thao Văn C sinh năm 1984 ở bản MX, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa bán ma túy cho Hà Văn L, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[10]. Các đối tượng có hành vi mua ma túy của Hà Văn L để sử dụng nhưng không xác định được khối lượng cụ thể, nên Công an huyện QS đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp. Đối với anh Phạm Văn H,

sinh năm 1989, trú tại: Bản XT, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa người mà Hà Văn L khai đã mua ma túy của bị cáo 06 (Sáu) lần; Quá trình điều tra, truy tố Phạm Văn H không có mặt tại địa phương từ ngày 23/5/2018 nên chưa có căn để xử lý đối với Phạm Văn H.

[11]. Về án phí: Bị cáo L thuộc hộ nghèo, có đơn đề nghị miễn tiền án phí, nên miễn phần án phí hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm b, c, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hà Văn L 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 23/5/2018).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 6,759g (*Sáu phẩy bảy năm chín gam*) ma túy là Heroine còn lại sau khi trích giám định, tất cả được đựng trong phong bì do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín niêm phong.

Tịch thu số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), 01 (Một) Điện thoại Nokia 1110i màu trắng đen đã qua sử dụng, 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Master màu xanh đã qua sử dụng và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh xám đã qua sử dụng để sung quỹ nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao nhọn, kiểu giao bầu, 01 (Một) hộp bơm kim tiêm, 01 (Một) phong bì thư bên ngoài có ghi điện thoại Hà Văn L. Đặc điểm tất cả các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn ngày 04/10/2018.

Buộc Hà Văn L phải nộp 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền do phạm tội mà có nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, miễn phần án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông A, anh L, anh N có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T, anh T1, anh T2, chị Q có

quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện QS;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- C an huyện QS;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện QS;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt